



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

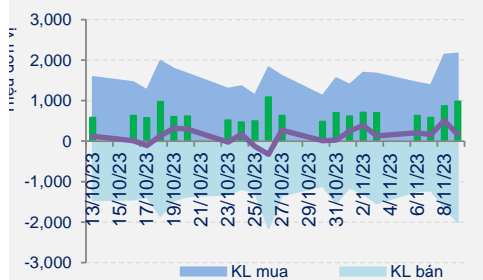
9/11/2023

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

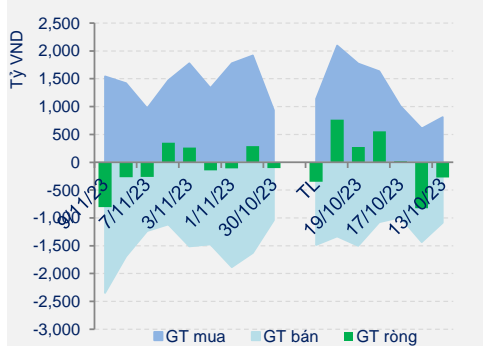
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,113.89	228.22
% Thay đổi	↑ 0.04%	↑ 0.52%
KLGD (CP)	983,682,729	130,882,180
GTGD (tỷ đồng)	21,951.45	2,430.93
Tổng cung (CP)	2,004,842,557	194,822,300
Tổng cầu (CP)	2,168,511,595	171,981,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	75,079,485	2,433,919
KL mua (CP)	53,094,317	2,061,200
GT mua (tỷ đồng)	1,541.40	58.27
GT bán (tỷ đồng)	2,347.97	53.46
GT ròng (tỷ đồng)	(806.56)	4.80

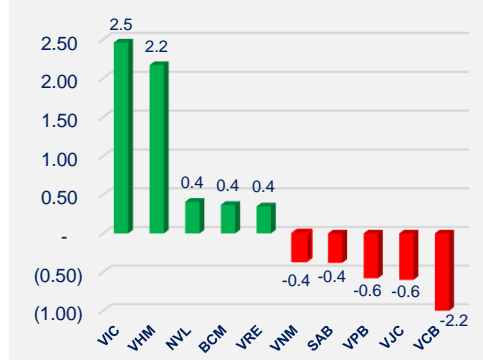
## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giao dịch tăng điểm mạnh tích cực, tâm lý lạc quan của nhà đầu tư giúp VN-INDEX đầu phiên tiếp tục tăng điểm mạnh lên vùng giá 1.125 điểm tương ứng giá cao nhất tháng 01/2023 với thanh khoản tăng mạnh hơn 10.000 tỷ đồng trong phiên sáng. Sau đó áp lực bán gia tăng dần, thị trường phân hóa hơn. VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh trong phiên chiều và phiên ATC, kết phiên ở mức 1.113,99 điểm tăng 0,04% so với phiên trước. HNX-INDEX kết phiên tăng 1,19 điểm (0,52%) lên 228,22 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết vẫn rất tích cực với 457 mã tăng giá (18 mã tăng trần), áp lực điều chỉnh ngắn hạn gia tăng với 268 mã giảm giá (06 mã giảm sàn) và 131 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 24.081,48 tỷ đồng, tăng mạnh 16,33% so với phiên trước, vượt mức trung bình. Diễn biến cho thấy dòng tiền vẫn đang cải thiện gia tăng tốt, mặc dù mức độ phân hóa dần gia tăng. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch, bán ròng khá mạnh với giá trị 806,39 tỷ đồng trên HOSE, tập trung bán ròng ở nhóm cổ phiếu bán lẻ, bất động sản vốn hóa lớn và dịch vụ tài chính chứng khoán; mua ròng trên HNX với giá trị 4,80 tỷ đồng.

Ngày 13/11/2023, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Xây dựng sẽ phối hợp tổ chức hội nghị trực tuyến triển khai Công điện 933 về tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp phát triển thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh.

Nhóm cổ phiếu bất động sản tiếp tục có diễn biến rất tích cực với thông tin trên, đa số tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến tích cực như PDR (+6,93%), NLG (+5,91%), VIC (+5,58%), VHM (+4,63%), NHA (+4,23%)...ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh với HDC (-1,10%), CII (-0,58%), SJS (-0,48%)...

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến nổi bật so với thị trường chung, thanh khoản vẫn tăng mạnh với VIX (+6,85%), APS (+5,63%), BSI (+5,03%), AGR (+3,46%)..., tuy nhiên nhiều mã sau giai đoạn tăng giá mạnh đã chịu áp lực điều chỉnh cuối phiên như VCI (-0,61%), SHS (-0,57%), MBS (-0,49%)...

Diễn biến thị trường phân hóa và trong các nhóm ngành vẫn có nhiều mã có diễn biến tăng giá mạnh hết biên độ với thanh khoản đột biến như cảng biển VSC (+7,00%), chăn nuôi, nông nghiệp BAF (+6,87%), IDJ (+8,06%)... Nhóm cổ phiếu điện cũng có diễn biến nổi bật, nhiều mã có khối lượng giao dịch đột biến như POW (+0,43%), QTP (+1,42%), SJD (+1,71%)... trước thông tin Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho biết đã có quyết định về việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân tăng thêm 4,5% từ hôm nay (9/11). Theo đó, giá điện bán lẻ bình quân tăng thêm hơn 86,4168 đồng/kWh, từ 1.920,3732 đồng/kWh lên 2.006,79 đồng/kWh, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Trên thị trường phái sinh, sau phiên giao dịch lạc quan kỳ hạn VN30F2311 giảm 9 điểm (-0,79%), chênh lệch dương 2,05 điểm so với VN30, khối lượng giảm nhẹ 8,41% so với phiên trước, vượt mức trung bình, khối lượng mở OI giảm mạnh, cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên vẫn ở mức cao tăng mạnh đột biến. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -0,45 điểm đến -6,05 điểm, thể hiện các trader vẫn lạc quan với xu hướng tăng ngắn hạn của VN30, kỳ vọng VN30 phục hồi và phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn lớn hơn

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**

Đà tăng của thị trường chững lại sau phiên bùng nổ mạnh, chốt phiên giao dịch Vn-Index tăng nhẹ 0,46 điểm (+0,04%) và đóng cửa ở 1.113,89 điểm. Thị trường đang trong giai đoạn hồi phục kỹ thuật tích cực, do nhịp giảm điểm thời gian qua quá mạnh nên nhịp hồi kỹ thuật đầu tiên đang diễn ra dự báo cũng sẽ mạnh, chúng tôi cho rằng thị trường sẽ tiếp tục vận động swing nhưng biên độ sẽ hẹp dần. Với trạng thái hồi phục tích cực chúng tôi cho rằng khu vực cân bằng mới để tích lũy lại có khả năng trong vùng điểm số 1.100 điểm - 1.150 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, đà hồi phục mạnh đưa Vn-Index trở lại trên ngưỡng 1.100 điểm và thoát khỏi trì kéo của nền tích lũy cũ, tuy nhiên nhịp hồi phục này mang tính kỹ thuật bởi Vn-Index đã đánh mất xu hướng uptrend đồng thời đà giảm sâu khiến động lực tăng có thể mạnh nhưng không bền. Thị trường vẫn có thể tiếp tục xu hướng hồi phục nhưng sẽ sớm gặp cản ngắn hạn tại 1.150 điểm, chúng tôi cho rằng Vn-Index sẽ sớm vận động swing để tạo nền tích lũy trung hạn mới.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ dao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Điểm số VnIndex đang thoát khỏi trì kéo của nền tích lũy trung hạn trước đây, rất có khả năng VnIndex sẽ tích lũy trong khu vực 1.100 điểm - 1.150 điểm. Trong bối cảnh vĩ mô trong và ngoài nước hiện tại tốt xấu đan xen, việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Thị trường đang có xu hướng hồi phục tích cực sau nhịp giảm sâu, trong ngắn hạn mặc dù VnIndex vẫn có thể tiếp diễn xu hướng tăng điểm nhưng mọi nỗ lực phục hồi ngắn hạn đều mang tính kỹ thuật hàm chứa rủi ro. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục, chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

9/11/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PHR	46.95	43-45	52-53	43	7.2	-13.4%	-0.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	20.40	15-16	24-25	17.5	18.4	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	30.70	25-26.5	31-32	24	16.2	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	31.25	25-27	32-33	22	10.2	-9.0%	-89.9%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	36.80	30-32	38.5-40	29	19.9	19.2%	-26.6%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	33.55	26-28	34.5-35.5	24	7.2	-34.2%	-59.4%	Theo dõi chờ giải ngân
HPG	26.70	22-23.5	27-28	20	82.9	-16.5%	213.0%	Theo dõi chờ giải ngân
PVT	25.20	23-24.5	30-31	20	8.6	9.5%	-8.0%	Theo dõi chờ giải ngân
BFC	20.70	19.5-21	26-27	18	9.2	18.5%	1227.6%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/2023	DPR	31.4	25.9	35-37	30	21.2%	Nắm giữ
1/11/2023	KBC	30.7	25.8	31-32	29	19.0%	Nắm giữ
1/11/2023	BVS	25.4	22.3	26-27	24	13.9%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	23.1	18.6	26-27	21	24.2%	Nắm giữ
2/11/2023	CTD	62.0	52	65-67	60	19.2%	Nắm giữ
2/11/2023	PLC	30.7	26.8	30-31	29	14.6%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	25.2	24.45	30-31	24	3.1%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	47.0	45.1	52-53	45	4.1%	Nắm giữ



**TIN VĨ MÔ**

**Giá điện tăng 4,5% lên hơn 2.000 đồng/kWh từ hôm nay**

Sau khi tăng 3% hồi tháng 5, mỗi kWh điện sẽ tăng tiếp 4,5%, áp dụng từ hôm nay (9/11). Chiều 9/11, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) thông báo, giá bán điện bình quân tăng từ 1.920,37 đồng lên 2.006,79 đồng một kWh (chưa gồm thuế VAT), tương đương tăng 4,5%. Quyết định này đã được Chính phủ, Bộ Công Thương đồng ý về chủ trương. Về tác động tới người sử dụng điện, ông Nguyễn Quốc Dũng, Trưởng ban Kinh doanh EVN, nói Chính phủ vẫn hỗ trợ người nghèo, hộ chính sách xã hội. Theo Quyết định 28 của Thủ tướng, hộ nghèo được hỗ trợ bằng tiền tương đương 30 kWh; hộ chính sách cũng nhận hỗ trợ tương đương với điều kiện dùng dưới 50 kWh một tháng.

**Quốc hội giao Chính phủ mục tiêu GDP năm 2024 tăng 6-6,5%**

Mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2024 được Quốc hội giao cho Chính phủ là 6-6,5%, lạm phát 4-4,5%, GDP bình quân đầu người khoảng 4.700-4.730 USD. Chiều 9/11, với gần 90,5% đại biểu tán thành, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về phát triển kinh tế xã hội. Quốc hội quyết nghị tăng trưởng GDP ở mức 6-6,5% vào năm sau. Mức này tương đương chỉ tiêu giao năm 2023, nhưng kinh tế thế giới khó khăn, chịu tác động bởi các cuộc xung đột địa chính trị nên năm nay dự báo GDP chỉ tăng trên 5%.

**Giá thịt lợn lao dốc, áp lực giảm phát lại đè nặng lên Trung Quốc**

Những số liệu mới nhất này một lần nữa phủ bóng lên triển vọng phục hồi của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới... Giá tiêu dùng ở Trung Quốc lại rơi vào trạng thái giảm và giá nhà sản xuất giữ xu hướng giảm trong tháng 10 vừa qua, khi nhu cầu tại nước này tiếp tục trong tình trạng yếu. Những số liệu mới nhất này một lần nữa phủ bóng lên triển vọng phục hồi của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Số liệu do Cục Thống kê Nhà nước Trung Quốc (NBS) công bố ngày 9/11 cho thấy chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 giảm 0,2% trong tháng 10 so với cùng kỳ năm ngoái, sâu hơn mức giảm 0,1% mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Reuters.

**Giá vàng thế giới giữ đà giảm mạnh, trong nước tái lập mốc 70 triệu đồng/lượng**

Giá vàng đã tăng chóng mặt trong tháng 10 do nhu cầu phòng ngừa rủi ro sau khi chiến tranh Israel-Hamas bùng nổ. Tuy nhiên khi không còn bị ảnh hưởng bởi yếu tố địa chính trị, vàng đang trở nên nhạy cảm hơn với yếu tố lãi suất... Giá vàng thế giới giảm phiên thứ ba liên tiếp do nhu cầu phòng ngừa rủi ro địa chính trị lắng xuống và trong lúc nhà đầu tư chờ những tín hiệu mới về lập trường chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Giá vàng miếng trong nước diễn biến ngược lại, tái lập mốc 70 triệu đồng/lượng và nói rộng chênh lệch với giá quốc tế.



**TIN DOANH NGHIỆP**

**Lợi nhuận 9 tháng giảm 85%, Becamex (BCM) chốt quyền chia cổ tức 8% bằng tiền**

HĐQT Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (Becamex, mã BCM – sàn HOSE) vừa thông qua ngày 29/11 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2022. Theo đó, Becamex chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 8%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 800 đồng và với 1.035 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Công ty sẽ phải chi 828 tỷ đồng để trả cổ tức. Thời gian thanh toán cổ tức dự kiến ngày 29/12/2023. Mới đây, Công ty đã công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2023 cũng kém khả quan với doanh thu đạt hơn 1.143 tỷ đồng, giảm 49,51% so với cùng kỳ năm ngoái; lợi nhuận sau thuế đạt 215,63 tỷ đồng, giảm 16,8% so với cùng kỳ.

**Lãi sau thuế quý III/2023 gấp 23 lần cùng kỳ, PC1 chốt quyền trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 15%**

CTCP Tập đoàn PC1 (mã chứng khoán PC1 - sàn HOSE) mới thông báo về việc trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu. Theo đó, PC1 sẽ phát hành hơn 40,5 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2022, tỷ lệ 15% (cổ đông sở hữu cổ phiếu được nhận 15 cổ phiếu mới). Ngày đăng ký cuối cùng là 23/11. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là hơn 405,6 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành là từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC hợp nhất kiểm toán tại ngày 31/12/2022 của Công ty là 1.344,5 tỷ đồng. Theo đó, vốn điều lệ sau phát hành của PC1 sẽ tăng lên 3.110 tỷ đồng.

**HVN sắp nhận hơn 43 tỷ đồng cổ tức từ Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài**

HĐQT CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (HOSE: NCT) vừa thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, chốt quyền vào ngày 22/11. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 21/11. Tại cuối quý 3/2023, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (HOSE: HVN) là cổ đông lớn nhất của NCT, với tỷ lệ sở hữu 55.13%, tương đương 14.4 triệu cp. Như vậy, HVN có thể nhận về hơn 43 tỷ đồng cổ tức từ đợt tạm ứng này. Theo BCTC quý 3/2023, NCT ghi nhận doanh thu thuần và lãi ròng lần lượt ở mức 190 tỷ đồng và 65 tỷ đồng, tăng 9% và 16% so với cùng kỳ năm trước. Song, doanh thu thuần và lãi ròng 9 tháng của NCT lại giảm lần lượt 9% và 5% so với cùng kỳ, còn 496 tỷ đồng và 162 tỷ đồng.

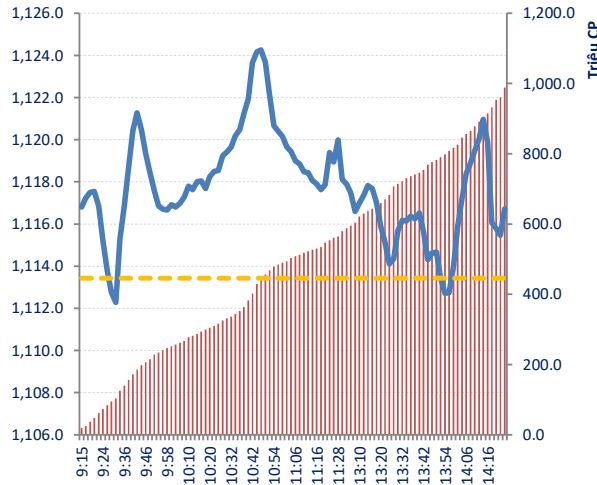
**VEAM (VEA) duy trì mức chia cổ tức trên 40% trong 4 năm liên tiếp**

Tổng công ty Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP (VEAM, mã VEA - UPCoM) vừa thông báo về việc chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 41,869%, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận 4.186,9 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là 20/11, thời gian thanh toán dự kiến ngày 20/12/2023. Như vậy, với 1.328,8 triệu cổ phiếu đang lưu hành, VEAM dự kiến sẽ chi hơn 5.560 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

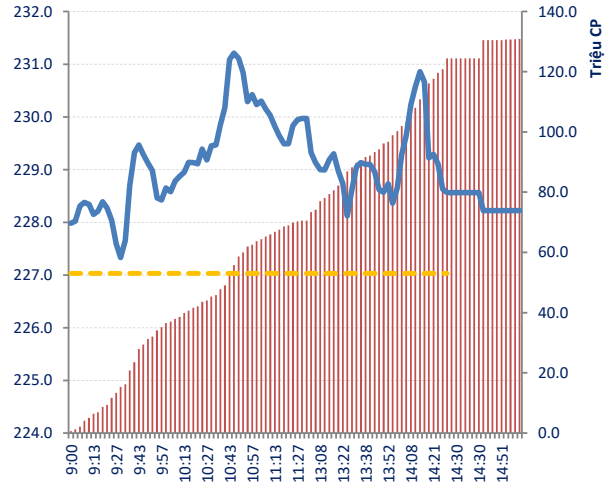


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

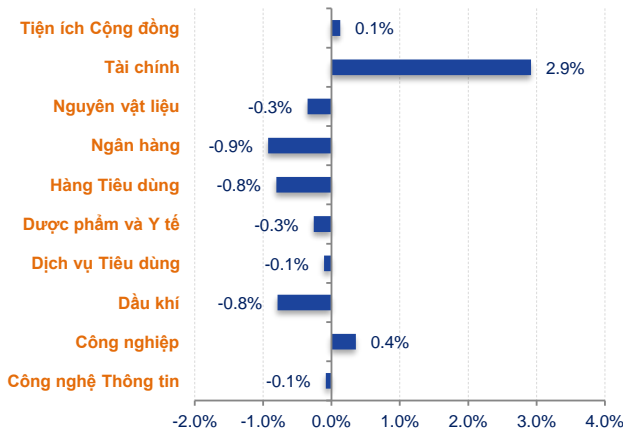
#### KLGD và VN-Index trong phiên



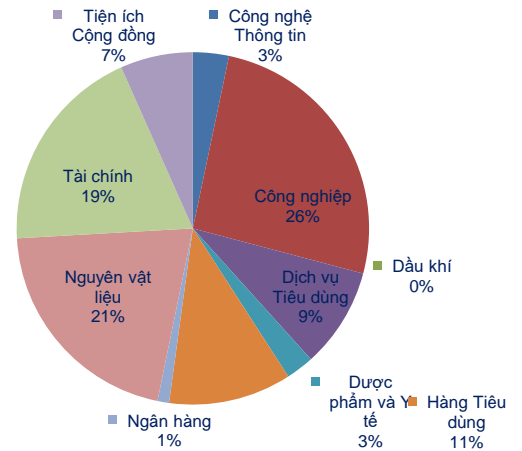
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



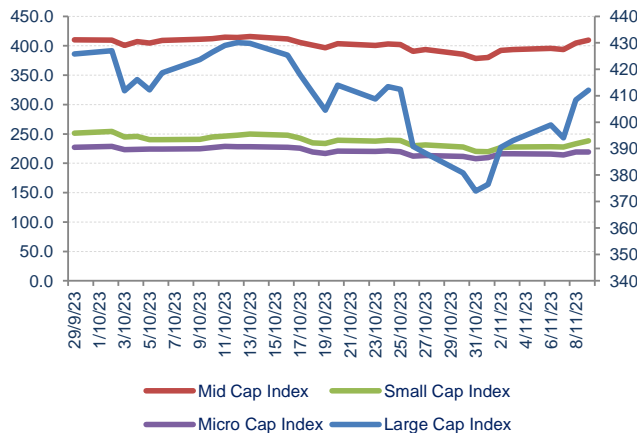
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



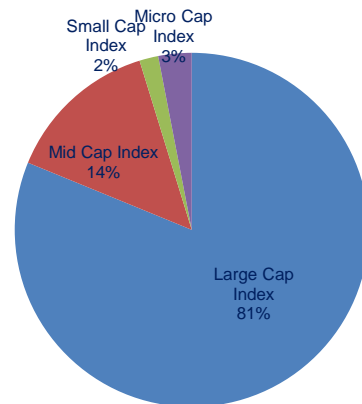
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NKG	2,085,284	FUESSVFL	10,075,000	1	IDC	378,100	SHS	1,012,000
2	KBC	1,472,300	VHM	6,728,618	2	CEO	125,600	TIG	145,500
3	HPG	1,204,745	VCB	1,621,704	3	HUT	106,690	PVS	135,600
4	DXS	1,034,400	VNM	1,430,226	4	APS	70,700	MBS	44,965
5	CTG	1,002,100	MWG	1,320,780	5	VC7	64,500	HOM	21,400

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	14.60	15.60	↑ 6.85%	61,692,300	SHS	17.40	17.30	↓ -0.57%	36,549,787
NVL	15.50	16.30	↑ 5.16%	56,498,700	CEO	23.90	24.10	↑ 0.84%	14,727,762
SSI	30.30	30.85	↑ 1.82%	33,982,300	HUT	19.90	20.10	↑ 1.01%	8,168,444
VND	19.55	20.05	↑ 2.56%	32,700,400	MBS	20.50	20.40	↓ -0.49%	7,057,145
HPG	26.95	26.70	↓ -0.93%	31,361,600	PVS	37.20	36.80	↓ -1.08%	6,998,387

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSC	25.00	26.75	1.75	↑ 7.00%	VBC	18.10	19.90	1.80	↑ 9.94%
SVC	32.15	34.40	2.25	↑ 7.00%	HTC	20.20	22.20	2.00	↑ 9.90%
TDW	46.65	49.90	3.25	↑ 6.97%	BTW	30.60	33.60	3.00	↑ 9.80%
CLW	28.05	30.00	1.95	↑ 6.95%	PGT	3.10	3.40	0.30	↑ 9.68%
PDR	23.80	25.45	1.65	↑ 6.93%	PDB	9.30	10.20	0.90	↑ 9.68%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ICT	12.85	11.50	-1.35	↓ -10.51%	VLA	24.00	21.60	-2.40	↓ -10.00%
FIR	23.30	21.70	-1.60	↓ -6.87%	VCM	18.20	16.40	-1.80	↓ -9.89%
LGC	52.90	49.30	-3.60	↓ -6.81%	SDG	27.50	24.80	-2.70	↓ -9.82%
MDG	14.70	13.70	-1.00	↓ -6.80%	TJC	15.40	13.90	-1.50	↓ -9.74%
SSC	30.00	28.00	-2.00	↓ -6.67%	MAS	30.00	27.20	-2.80	↓ -9.33%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	61,692,300	8.2%	1,005	14.5	1.1
NVL	56,498,700	-1.4%	(309)	-	0.7
SSI	33,982,300	8.9%	1,346	22.5	2.0
VND	32,700,400	7.8%	957	20.4	1.5
HPG	31,361,600	1.9%	322	83.8	1.6

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	36,549,787	5.4%	643	27.1	1.4
CEO	14,727,762	6.7%	955	25.0	1.9
HUT	8,168,444	0.8%	122	163.5	1.6
MBS	7,057,145	10.4%	1,104	18.6	1.8
PVS	6,998,387	6.7%	1,846	20.2	1.3

## Top Độ biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	↑ 7.0%	4.3%	1,011	24.7	1.0
SVC	↑ 7.0%	3.9%	1,416	22.7	0.9
TDW	↑ 7.0%	24.1%	6,381	7.3	1.7
CLW	↑ 7.0%	22.0%	4,328	6.5	1.4
PDR	↑ 6.9%	1.6%	200	118.8	1.9

## Top Độ biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VBC	↑ 9.9%	18.5%	3,705	4.9	0.9
HTC	↑ 9.9%	15.5%	2,810	7.2	1.1
BTW	↑ 9.8%	18.6%	5,066	6.0	1.1
PGT	↑ 9.7%	-14.1%	(416)	-	0.9
PDB	↑ 9.7%	-2.8%	(401)	-	0.6

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NKG	2,085,284	-4.8%	(975)	-	1.0
KBC	1,472,300	7.6%	1,892	16.1	1.2
HPG	1,204,745	1.9%	322	83.8	1.6
DXS	1,034,400	-1.9%	(269)	-	0.5
CTG	1,002,100	15.7%	3,773	7.8	1.2

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	378,100	17.0%	3,177	15.2	2.8
CEO	125,600	6.7%	955	25.0	1.9
HUT	106,690	0.8%	122	163.5	1.6
APS	70,700	-35.8%	(3,855)	-	0.7
VC7	64,500	6.2%	679	23.3	1.5

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	500,224	22.6%	6,013	14.9	3.1
BID	217,011	17.6%	3,887	11.0	1.8
GAS	183,739	19.0%	5,283	15.1	2.9
VHM	178,529	25.0%	9,468	4.3	1.0
VPB	169,389	9.7%	1,518	14.1	1.2

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,780	6.7%	1,846	20.2	1.3
HUT	17,761	0.8%	122	163.5	1.6
IDC	15,906	17.0%	3,177	15.2	2.8
SHS	14,149	5.4%	643	27.1	1.4
THD	14,091	2.9%	460	79.6	2.3

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.64	-0.2%	(32)	-	0.7
VPH	3.07	-2.0%	(218)	-	0.8
EVG	2.92	1.3%	155	32.7	0.4
DXS	2.60	-1.9%	(269)	-	0.5
NVL	2.48	-1.4%	(309)	-	0.7

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

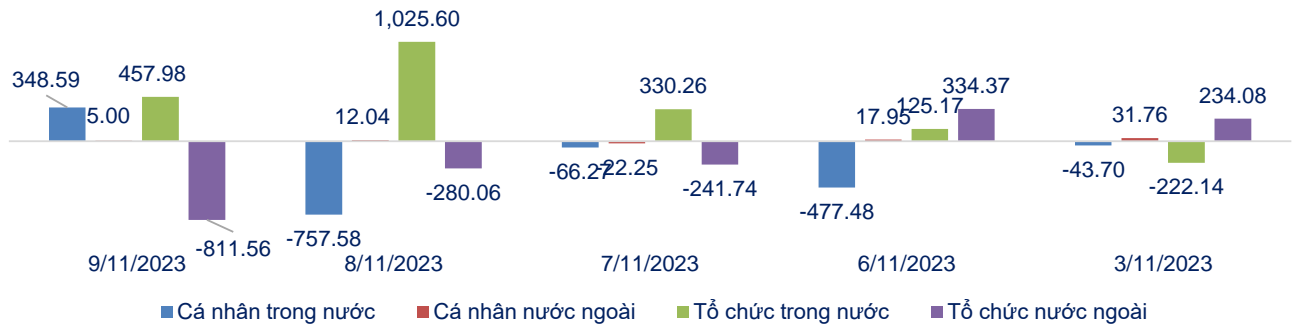
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.78	6.2%	679	23.3	1.5
VC2	2.68	2.2%	303	33.1	0.8
C69	2.51	2.1%	256	26.5	0.6
CMS	2.49	1.6%	198	111.2	1.6
VIG	2.15	6.8%	501	14.8	1.0





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	289.62	25.0%	9,468	4.3	1.0
VNM	112.56	24.4%	4,029	17.7	4.4
PDR	71.77	1.6%	200	118.8	1.9
VCB	69.44	22.6%	6,013	14.9	3.1
MWG	62.13	3.0%	476	83.2	2.5

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-186.29	-1.4%	(309)	-	0.7
GEX	-165.12	2.0%	511	40.9	0.8
VJC	-96.58	-14.0%	(3,851)	-	4.0
HPG	-55.33	1.9%	322	83.8	1.6
KBC	-43.46	7.6%	1,892	16.1	1.2

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	13.73	22.4%	4,290	4.3	1.0
VCG	6.53	2.8%	516	44.3	1.2
TPB	5.19	17.0%	2,483	6.9	1.2
STB	3.51	17.5%	3,825	7.8	1.3
DXG	2.64	-2.0%	(456)	-	0.8

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-11.35	8.9%	1,346	22.5	2.0
SAB	-7.54	16.5%	3,286	19.8	3.1
PDR	-5.95	1.6%	200	118.8	1.9
HPG	-3.53	1.9%	322	83.8	1.6
VIX	-2.07	8.2%	1,005	14.5	1.1

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	180.14	-1.4%	(309)	-	0.7
GEX	170.75	2.0%	511	40.9	0.8
FUESSVFL	127.30	N/A	N/A	N/A	N/A
VJC	93.73	-14.0%	(3,851)	-	4.0
VCB	73.51	22.6%	6,013	14.9	3.1

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PDR	-64.59	1.6%	200	118.8	1.9
DGC	-49.94	29.7%	9,010	10.3	2.8
NLG	-33.45	4.8%	1,643	21.1	1.0
VSC	-31.87	4.3%	1,011	24.7	1.0
MBB	-30.70	22.4%	4,290	4.3	1.0

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	72.52	29.7%	9,010	10.3	2.8
KBC	45.67	7.6%	1,892	16.1	1.2
NKG	44.46	-4.8%	(975)	-	1.0
HPG	36.11	1.9%	322	83.8	1.6
CTG	27.16	15.7%	3,773	7.8	1.2

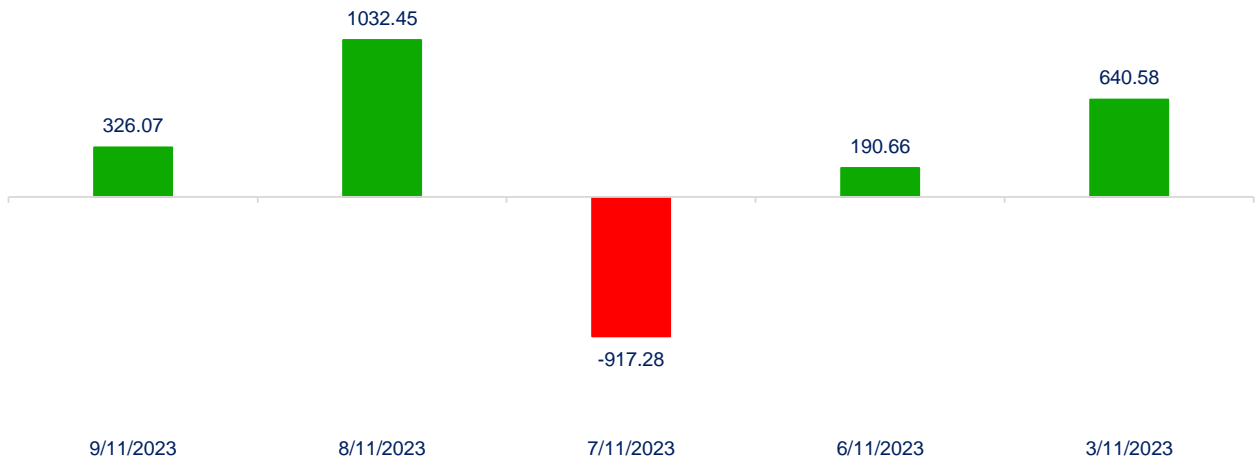
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-287.39	25.0%	9,468	4.3	1.0
FUESSVFL	-183.76	N/A	N/A	N/A	N/A
VCB	-143.18	22.6%	6,013	14.9	3.1
VNM	-101.97	24.4%	4,029	17.7	4.4
MWG	-54.38	3.0%	476	83.2	2.5

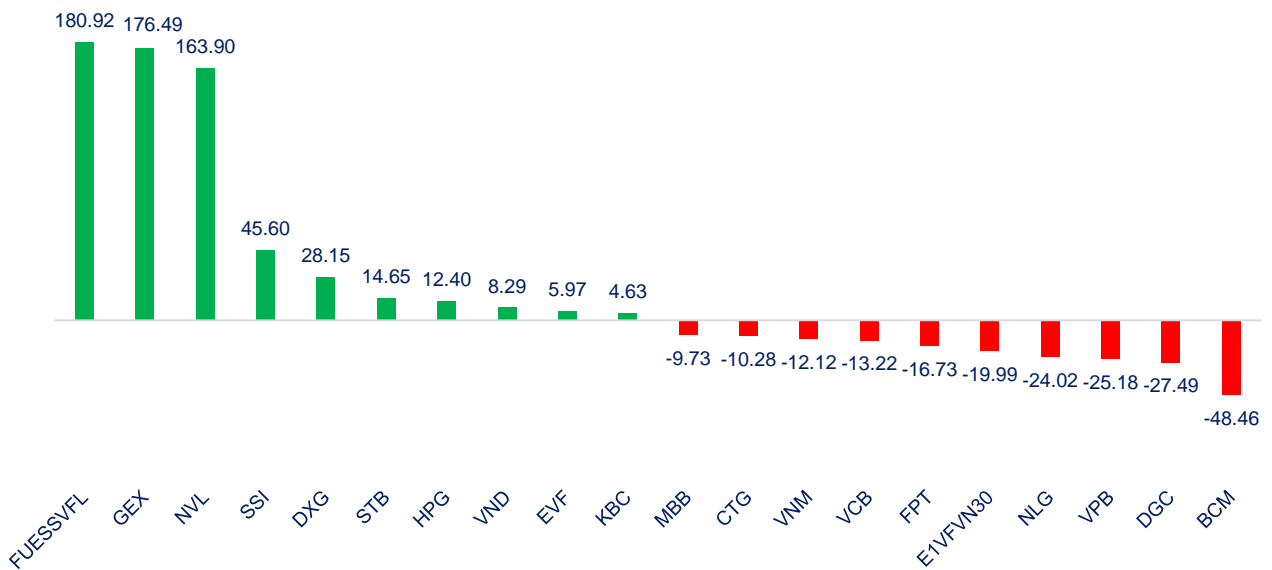


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)